

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: 13/2004/PL-
UBTVQH11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 1 năm 2004

PHÁP LỆNH

Về thi hành án dân sự

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Pháp lệnh này quy định về thi hành án dân sự.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Pháp lệnh này quy định về tổ chức và thủ tục thi hành án dân sự.
- Bản án, quyết định dân sự nói trong Pháp lệnh này bao gồm:
 - Bản án, quyết định của Tòa án về dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, kinh tế;
 - Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam;
 - Quyết định về dân sự, phạt tiền, tịch thu tài sản, xử lý vật chứng, tài sản, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, án phí trong bản án, quyết định của Tòa án về hình sự;
 - Quyết định về phần tài sản trong bản án, quyết định của Tòa án về hành chính;
 - Quyết định tuyên bố phá sản;
 - Quyết định của Trọng tài thương mại Việt Nam;
 - Bản án, quyết định khác do pháp luật quy định.

Điều 2. Những bản án, quyết định dân sự được thi hành

Những bản án, quyết định dân sự được thi hành theo Pháp lệnh này bao gồm:

1. Những bản án, quyết định dân sự quy định tại Điều 1 của Pháp lệnh này đã có hiệu lực pháp luật:

a) Bản án, quyết định hoặc phần bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm;

b) Bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm;

c) Quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Tòa án;

d) Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài đã được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam;

đ) Quyết định của Trọng tài thương mại Việt Nam có hiệu lực thi hành;

2. Những bản án, quyết định dân sự quy định tại Điều 1 của Pháp lệnh này chưa có hiệu lực pháp luật, nhưng được thi hành ngay:

a) Bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về cấp dưỡng, trả lương, trả công lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, bảo hiểm xã hội hoặc bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, nhận người lao động trở lại làm việc;

b) Quyết định về biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án để bảo đảm cho việc xét xử và thi hành án.

Điều 3. Bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định dân sự

Bản án, quyết định dân sự đã có hiệu lực pháp luật phải được người phải thi hành án, người được thi hành án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án (gọi chung là đương sự) nghiêm chỉnh thi hành và được các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân tôn trọng.

Điều 4. Căn cứ để đưa ra thi hành án

Bản án, quyết định dân sự được đưa ra thi hành khi có các căn cứ sau đây:

1. Bản án, quyết định dân sự được thi hành quy định tại Điều 2 của Pháp lệnh này;

2. Quyết định thi hành án.

Điều 5. Quyền yêu cầu thi hành án

1. Nếu các bên đương sự không tự nguyện thi hành thì người được thi hành án, người phải thi hành án căn cứ vào bản án, quyết định dân sự có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.
2. Người yêu cầu thi hành án phải có đơn yêu cầu thi hành án hoặc trực tiếp đến Cơ quan thi hành án nêu rõ nội dung yêu cầu và các thông tin liên quan đến việc thi hành án kèm theo bản án, quyết định dân sự.

Điều 6. Tự nguyện thi hành án

1. Nhà nước khuyến khích các đương sự tự nguyện thi hành án.
2. Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận với nhau về thời gian, địa điểm, phương thức thi hành án, nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội.
3. Căn cứ vào quyết định thi hành án, Chấp hành viên định cho người phải thi hành án thời hạn không quá ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án để tự nguyện thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Pháp lệnh này.

Điều 7. Cưỡng chế thi hành án

1. Người phải thi hành án có điều kiện thi hành mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định của Pháp lệnh này.

Sau khi hết thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Pháp lệnh này, nếu người phải thi hành án có điều kiện thi hành mà không thi hành án thì Cơ quan thi hành án phải ra quyết định cưỡng chế thi hành án.

2. Trong trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, huỷ hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành án thì Chấp hành viên có quyền áp dụng kịp thời các biện pháp cưỡng chế quy định tại Điều 37 của Pháp lệnh này.
3. Không được tổ chức cưỡng chế thi hành án trong các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật lao động và trong khoảng thời gian từ 22 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau hoặc vì lý do đặc biệt khác do Chính phủ quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân trong việc thi hành án

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình và cá nhân có trách nhiệm thực hiện đầy đủ yêu cầu của Chấp hành viên trong việc thi hành án.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan hữu quan trong việc thi hành án ở địa phương.

Tư lệnh quân khu và tương đương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan hữu quan trong việc thi hành án trên địa bàn quân khu và tương đương.

3. Cơ quan công an có nhiệm vụ giữ gìn trật tự, kịp thời ngăn chặn những hành vi cản trở, chống đối việc thi hành án. Trong trường hợp cần phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án thì cơ quan công an và các cơ quan hữu quan khác có nhiệm vụ phối hợp thực hiện theo yêu cầu của Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hoặc Chấp hành viên.

Điều 9. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có liên quan đến việc thi hành án

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án được tham gia vào việc thi hành án và có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 10. Kiểm sát việc thi hành án

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật về thi hành án của đương sự, Cơ quan thi hành án, Chấp hành viên và cơ quan nhà nước khác, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân, cá nhân có liên quan đến việc thi hành án nhằm bảo đảm việc thi hành án kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật.

Chương II

CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN

Mục 1

CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 11. Cơ quan thi hành án dân sự

Các Cơ quan thi hành án dân sự gồm có:

1. Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Cơ quan thi hành án cấp tỉnh);
2. Cơ quan thi hành án dân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Cơ quan thi hành án cấp huyện);
3. Cơ quan thi hành án quân khu và tương đương (sau đây gọi chung là Cơ quan thi hành án cấp quân khu).

Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các Cơ quan thi hành án do Chính phủ quy định.

Mục 2

CHẤP HÀNH VIÊN, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THI HÀNH ÁN

Điều 12. Chấp hành viên

1. Chấp hành viên là người được Nhà nước giao trách nhiệm thi hành các bản án, quyết định dân sự quy định tại Điều 2 của Pháp lệnh này.

Chấp hành viên được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ năm năm.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Chấp hành viên phải tuân theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành án.
3. Chấp hành viên được cấp trang phục, phù hiệu, thẻ Chấp hành viên để sử dụng khi làm nhiệm vụ và được hưởng thang bậc lương theo quy định của Chính phủ.

Điều 13. Tiêu chuẩn và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chấp hành viên

1. Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, trung thực, liêm khiết, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ cử nhân luật trở lên, đã được đào tạo về nghiệp vụ thi hành án, có thời gian làm công tác pháp luật theo quy định tại Điều này, có sức khỏe để